

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày 7 - 01 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG - TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khanh

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Quang Yên

Ông Trần Anh Quang

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Minh Thắng - Thư ký TAND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2021/ TLST - DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 169 Phố B, phường C, Quận D, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp Luật: Ông Dương Quyết T

Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng A

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trọng H

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A huyện Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Trọng H: Bà Nguyễn Thị L- Phó giám đốc Ngân hàng A huyện Đ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, Sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huy Thị E, Sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Nguyễn Huy F, Sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Tại phiên tòa bà L, ông G có mặt. Bà E, anh F vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng A do bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Ngày 23/11/2016, ông Nguyễn Văn G có vay của Ngân hàng A huyện Đ số tiền

là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số: 7077622304, với mã món vay là: 6600000709035614. Thời hạn vay là 57 tháng. Lãi suất là 0,75%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Vay theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, mục đích để mua cây và mua phân NPK. Kỳ hạn trả nợ gốc: 12 tháng/lần, ngày trả nợ gốc cuối cùng 17/8/2021; Tiền lãi trả vào ngày 17 hàng tháng. Ông G đã nhận đủ số tiền vay trên qua hình thức: Nhận tiền mặt trực tiếp.

Đến thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 17/8/2021 ông Nguyễn Văn G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Văn G để yêu cầu ông G thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông G không hợp tác, không có thiện chí trả nợ, nên đã chuyển nợ quá hạn.

Sau khi vay ông G đã trả nợ được cho Ngân hàng số tiền gốc là: 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) cụ thể: Ngày 31/8/2021 ông G đã trả Ngân hàng 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Ngày 17/10/2021 ông G đã trả Ngân hàng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Còn nợ số tiền gốc là 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng). Tổng tiền lãi tính đến ngày 06/01/2022 là 16.321.503đ (Mười sáu triệu ba trăm hai một nghìn năm trăm linh ba đồng); ông G đã trả tiền lãi cho Ngân hàng là: 4.943.218đ (Bốn triệu chín trăm bốn ba nghìn hai trăm mười tám đồng); còn nợ số tiền lãi là: 11.378.285đ.

Như vậy tính đến ngày 06/01/2022 ông Nguyễn Văn G còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 40.378.285đ (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám lăm đồng).

Trong đó:

+ Nợ gốc là: 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu).

+ Nợ lãi tính đến ngày 06/01/2022 là: 11.378.285đ

Trong đó : Lãi suất trong hạn 0,75%/ tháng là: 9.383.110đ

Lãi suất quá hạn 0,975%/tháng là: 1.540.175đ

Nay Ngân hàng A huyện Đ đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng tổng số tiền 40.378.285đ (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám lăm đồng). Trong đó nợ gốc: 29.000.000đ, nợ lãi 11.378.285đ. Tính đến ngày 06/01/2022.

2. Phía bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày: Ngày 23/11/2016, ông có vay của Ngân hàng A huyện Đ số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Theo hợp đồng tín dụng số: 7077622304, với mã món vay là: 6600000709035614. Thời hạn vay là 57 tháng. Lãi suất là 0,75%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Vay theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, mục đích để mua cây và mua phân NPK. Kỳ hạn trả nợ gốc: 12 tháng/lần, ngày trả nợ gốc cuối cùng 17/8/2021; Tiền lãi trả vào ngày 17 hàng tháng. Ông đã nhận đủ số tiền vay trên bằng hình thức: Nhận tiền mặt trực tiếp. Đến ngày 31/8/2021 ông đã trả cho Ngân hàng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền gốc; Ngày 17/10/2021 ông đã trả Ngân hàng 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền gốc; Còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng), và tiền lãi phát sinh, tính đến ngày 06/01/2022. Nay Ngân hàng A

huyện Đ yêu cầu ông có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 40.378.285đ (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám trăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 29.000.000đ; Nợ lãi là: 11.378.285đ. Tính đến ngày 06/01/2022. Quan điểm của ông đồng ý với khoản nợ gốc và lãi theo như Ngân hàng tính đến ngày 06/01/2022 là 40.378.285đ (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám trăm đồng). Nhưng hiện nay cây trồng còn nhỏ, chưa thu hoạch được, nên ông đề nghị Ngân hàng giãn nợ thời hạn là 03 năm, sau khi thu hoạch cây ông bán được sẽ trả tiền cho Ngân hàng cả gốc và lãi phát sinh. Ông G xác định đây là khoản vay riêng của ông, không liên quan đến vợ, con ông là bà E và anh F nên ông sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huy Thị E, anh Nguyễn Huy F trình bày: Ngày 23/11/2016, ông Nguyễn Văn G có vay của Ngân hàng A huyện Đ số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Đến ngày 31/8/2021 ông G đã trả cho Ngân hàng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền gốc; Ngày 17/10/2021 ông G đã trả Ngân hàng 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền gốc, còn nợ lại tiền gốc là 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng), và tiền lãi phát sinh, tính đến ngày 06/01/2022. Nay Ngân hàng A huyện Đ yêu cầu ông G có nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng tổng số tiền là 40.378.285đ (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám trăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 29.000.000đ; Nợ lãi là: 11.378.285đ. Tính đến ngày 06/01/2022. Quan điểm của bà E, anh F đồng ý với ý kiến của ông G khoản vay này là khoản vay riêng của ông G nên ông G phải có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Do bận công việc nên bà E, anh F đề nghị Tòa án được vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử tiếp theo.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng A Chi nhánh huyện Đoan Hùng với bị đơn ông Nguyễn Văn G. Ông Nguyễn Văn G có nơi cư trú tại Thôn 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa hợp lệ cho bà Huy Thị E, anh Nguyễn Huy F nhưng bà Huy Thị E, anh Nguyễn Huy F vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà E, anh F.

[2] Về nội dung: Ngân hàng A huyện Đ có cho ông Nguyễn Văn G vay tiền là đúng được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số: 7077622304, với mã món vay là: 6600000709035614 ngày 23/11/2016. Số tiền vay là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu

đồng), lãi suất là 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay 57 tháng, vay theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, mục đích để mua cây và mua phân NPK. Kỳ hạn trả nợ gốc: 12 tháng/lần, ngày trả nợ gốc cuối cùng 17/8/2021; Tiền lãi trả vào ngày 17 hàng tháng. Ông G đã nhận đủ số tiền vay trên qua hình thức: Nhận tiền mặt trực tiếp. Sau khi vay ông G đã trả nợ được cho Ngân hàng số tiền gốc là: 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và đã trả tiền lãi là: 4.943.218đ (Bốn triệu chín trăm bốn ba nghìn hai trăm mười tám đồng). Còn nợ tiền gốc là 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu); còn nợ số tiền lãi là: 11.378.285đ. Tính đến ngày 06/01/2022. Ngân hàng A huyện Đ đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 40.378.285đ (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám lăm đồng). Trong đó nợ gốc: 29.000.000đ, nợ lãi 11.378.285đ. Tính đến ngày 06/01/2022. Về phía ông Nguyễn Văn G xác nhận có nợ Ngân hàng A huyện Đ tổng số tiền 40.378.285đ (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám lăm đồng). Trong đó nợ gốc: 29.000.000đ, nợ lãi 11.378.285đ. Tính đến ngày 06/01/2022. Ông G nhất trí trả tiền nợ cho Ngân hàng nhưng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho nợ lại thời gian là 3 năm sau khi thu hoạch xong cây bán lấy tiền thì sẽ trả đủ cho Ngân hàng cả gốc và lãi phát sinh.

Đại diện Ngân hàng A, Ông Nguyễn Văn G, bà Huy Thị E, anh Nguyễn Huy F xác định đây là khoản vay riêng của ông G, nên ông G phải có trách nhiệm trả nợ này cho Ngân hàng.

Xét việc trả nợ của ông G là không đúng, vi phạm hợp đồng vay vốn, đến hạn không trả nợ gốc và lãi như cam kết. Ngân hàng A huyện Đ đã thông báo và đôn đốc ông G trả nợ nhiều lần, nhưng ông G cố tình không thực hiện cam kết, trốn tránh việc trả nợ, gây khó khăn cho Ngân hàng. Vì vậy cần phải buộc ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A huyện Đ tổng số tiền là 40.378.285đ (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám lăm đồng). Trong đó nợ gốc: 29.000.000đ, nợ lãi 11.378.285đ. Tính đến ngày 06/01/2022, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích đánh giá [1] [2] nêu trên, Ngân hàng A huyện Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn G phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 40.378.285đ (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám lăm đồng). Trong đó nợ gốc: 29.000.000đ, nợ lãi 11.378.285đ. Tính đến ngày 06/01/2022, là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn G được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do tuổi cao thuộc diện được miễn.

[5] Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A huyện Đ. Buộc ông Nguyễn Văn G phải trả cho Ngân hàng A huyện Đ tổng số tiền 40.378.285đ (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc: 29.000.000đ, nợ lãi 11.378.285đ. Tính đến ngày 06/01/2022. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn G được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do tuổi cao thuộc diện được miễn.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Nguyễn Văn G phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 40.378.285đ (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc: 29.000.000đ, nợ lãi 11.378.285đ. Tính đến ngày 06/01/2022.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 07/01/2022 ông Nguyễn Văn G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay, nhưng không được vượt quá mức quy định của pháp luật.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Khanh